

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

THÔNG CÁO

của Hội đồng Nhà nước.

Ngày 8 tháng 9 năm 1987, Hội đồng Nhà nước đã họp phiên thường lệ dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công.

1. Theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước đã quyết định chương trình xây dựng pháp luật năm 1988 nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội, góp phần thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng và các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

2. Sau khi nghe Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo tình hình truy tố, xét xử các vụ án trọng điểm về kinh tế và nghe Chánh án Tòa án nhân dân tối cao báo cáo tình hình chấp hành các bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng kẻ phạm tội vẫn tự do sống ngoài xã hội, Hội đồng Nhà nước đã quyết định một số chủ trương và biện pháp để bảo đảm cho pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh, giữ vững kỷ cương của Nhà nước và trật tự an toàn xã hội.

3. Hội đồng Nhà nước đã thông qua báo cáo về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng Nhân dân từ khi ban hành Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân (1983) đến nay, và dự thảo Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Nhân dân. Hội đồng Nhà nước đã quyết định triệu tập Hội nghị toàn quốc về Hội đồng Nhân dân vào trung tuần tháng 10 năm 1987.

4. Theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng Nhà nước đã quyết định cử đồng chí Dương Thị Thanh Mai giữ chức Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng Nhà nước đã quyết định cử đồng chí Lê Thanh Đạo và đồng chí Nguyễn Thế Đồng giữ chức Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Hội đồng Nhà nước đã quyết định cử một số thẩm phán của các Tòa án quân sự quân khu và của các Tòa án quân sự khu vực.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 131-HĐBT ngày 27-8-1987 quy định việc nhập khẩu và tái xuất khẩu ô-tô và các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của các cơ quan đại diện nước ngoài và người nước ngoài tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Điều lệ Hải quan do Hội đồng Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 3-CP ngày 27-2-1960;

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, đáp ứng nhu cầu công tác và sinh hoạt của các cơ quan đại diện nước ngoài và người nước ngoài tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và ý kiến Bộ Ngoại giao,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Nay quy định việc nhập khẩu và tái xuất khẩu ô-tô và các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của các cơ quan đại diện nước ngoài và người nước ngoài tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Những đối tượng sau đây được nhập khẩu và tái xuất khẩu ô-tô và những vật dụng cần thiết phục vụ cho nhu cầu công tác và sinh hoạt (có danh mục kèm theo):

1. Các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các tổ chức quốc tế có trụ sở thường trực tại Việt Nam được hưởng quy chế ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Những người có thân phận ngoại giao của các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài và những viên chức thuộc các tổ chức quốc tế tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được hưởng quy chế ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo các văn bản chính thức mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia ký kết (kể cả những thành viên trong gia đình họ cùng đi).

3. Những nhân viên hành chính, kỹ thuật và nhân viên phục vụ của các cơ quan nói ở điểm 1 điều này và những thành viên trong gia đình họ không phải là người Việt Nam, được xác nhận là «người cư trú».

Điều 2. —

1. Các vật dụng kể từ số thứ tự thứ 1 đến 5 trong danh mục kèm theo được phép nhập khẩu sử dụng lâu dài cho nhu cầu công tác và sinh hoạt là loại hàng tạm nhập sẽ phải tái xuất.

2. Các vật dụng kể từ số thứ tự thứ 6 đến 8 trong danh mục kèm theo được nhập khẩu ba (3) tháng một (1) lần là loại hàng tiêu dùng, không được chuyển nhượng tại Việt Nam.

3. Số lượng ô-tô và các vật dụng khác cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của từng đối tượng nói ở điều 1 được quy định trong danh mục kèm theo.

* Điều 3. —

1. Những đối tượng nói ở điều 1, khi nhập khẩu các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt (dù là vật dụng có ghi hoặc không ghi trong danh mục), phải xin phép trước Tổng cục Hải quan. Nếu được cấp giấy phép nhập khẩu thì:

a) Những đối tượng nói ở các điểm 1 và 2 của điều 1 khi nhập khẩu các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt thì được miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch, nhưng phải nộp các lệ phí khác.

b) Những đối tượng nói ở điểm 3, điều 1, trong mười hai (12) tháng đầu khi mới đến nhận nhiệm vụ tại Việt Nam (tính từ ngày nhập cảnh lần đầu), nếu nhập khẩu các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt thì được miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch, nhưng phải nộp các lệ phí khác. Kể từ tháng thứ mười ba (13) trở đi phải nộp thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch và các lệ phí khác. Riêng đối với ô-tô (dù nhập khẩu trong thời điểm nào) cũng phải nộp thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch và các lệ phí khác.

2. Những vật dụng mang theo người chỉ cần làm thủ tục với hải quan cửa khẩu. Riêng thuốc lá ngoài tiêu chuẩn ghi trong danh mục mỗi người khi nhập cảnh được phép mang theo người 5 tút (loại một tút 10 bao; một bao 20 điếu). Nếu mang quá 5 tút thì số thuốc lá còn lại cũng như những vật dụng cần thiết khác được tính vào tiêu chuẩn ghi trong danh mục.

3. Các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt khác (không thuộc loại hàng cấm nhập bằng đường phi mậu dịch theo danh mục của Tổng cục Hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 516-TCHQ/PC ngày 17-4-1987 và không có

tên trong danh mục kèm theo Nghị định này) thì phải xin phép Tổng cục Hải quan bằng văn bản (kèm theo bản kê chi tiết) và làm thủ tục hải quan. Nếu được cấp giấy phép, thì phải tuân theo quy định của điểm 1 trên đây.

Điều 4. — Khi tái xuất khẩu những vật dụng kể từ số thứ tự thứ 1 đến thứ 5 trong danh mục:

1. Những đối tượng nói ở các điểm 1 và 2 của điều 1 thì được miễn thuế hàng hóa xuất khẩu phi mậu dịch, nhưng phải nộp các lệ phí khác.

2. Những đối tượng nói ở điểm 3 của điều 1:

— Nếu khi nhập đã nộp thuế thì nay được miễn thuế hàng hóa xuất khẩu phi mậu dịch, nhưng phải nộp các lệ phí khác.

— Nếu khi nhập chưa nộp thuế thì nay phải nộp thuế hàng hóa xuất khẩu phi mậu dịch (trừ những vật dụng đã nhập khẩu trong 12 tháng từ khi bắt đầu nhận công tác tại Việt Nam) và nộp các lệ phí khác.

3. Sau khi tái xuất, các đối tượng nói trên đều được nhập bổ sung đủ số lượng quy định trong danh mục.

Điều 5. — Những đối tượng nói ở điều 1, nếu mua các vật dụng từ số thứ tự thứ 1 đến 5 trong danh mục hoặc những vật dụng tương tự khác (tủ lạnh, máy giặt, v.v...) tại các cửa hàng Nhà nước của Việt Nam bán thu ngoại tệ, nếu có hóa đơn hợp lệ, thì khi xuất khẩu những vật dụng đó được miễn thuế hàng hóa xuất khẩu phi mậu dịch, nhưng phải nộp các lệ phí khác. Quy định này cũng được áp dụng trong trường hợp vật dụng được mua bằng tiền Việt Nam (như tiền chuyển đổi qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền lương, phụ cấp, v.v...) tại các cửa hàng mậu dịch quốc doanh của Việt Nam.

Điều 6. —

1. Những đối tượng nói ở điều 1 không được tự ý chuyển nhượng tại Việt Nam

các vật dụng đã nhập khẩu; trong trường hợp đặc biệt, có lý do xác đáng, muốn chuyển nhượng các vật dụng ghi trong danh mục từ số thứ tự thứ 1 đến 5 phải có công hàm xin phép Tổng cục Hải quan (thông qua Cục phục vụ ngoại giao đoàn thuộc Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Nếu được chuyển nhượng thì chỉ chuyển nhượng cho Cục phục vụ ngoại giao đoàn và giá cả do hai bên thỏa thuận. (Riêng đối với ô-tô việc chuyển nhượng được quy định cụ thể tại điều 7 dưới đây).

2. Về chế độ thuế đối với việc chuyển nhượng các vật dụng nêu trên được quy định như sau:

a) Các đối tượng nói ở các điểm 1 và 2 của điều 1, nếu được phép chuyển nhượng, thì được miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch, nhưng phải nộp các lệ phí khác.

b) Các đối tượng nói ở điểm 3, điều 1, nếu được phép chuyển nhượng thì:

— Phải nộp thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch (nếu khi nhập chưa nộp) và các lệ phí khác.

— Không phải nộp thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch (nếu khi nhập đã nộp), nhưng phải nộp các lệ phí khác.

Điều 7. — Trong trường hợp đặc biệt có lý do xác đáng các đối tượng nói ở điều 1 muốn chuyển nhượng ô-tô thì phải tuân theo những điều kiện dưới đây:

1. Chủ xe hết nhiệm kỳ công tác hoặc phải về nước trước khi hết nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam, hoặc ô-tô đã sử dụng tại Việt Nam từ ba (3) năm trở lên (tính từ ngày nhập xe).

2. Những đối tượng nói ở các điểm 1 và 2 của điều 1, nếu được phép chuyển nhượng ô-tô cho nhau thì được miễn thuế, nhưng phải nộp các lệ phí khác; trong trường hợp được phép chuyển nhượng ô-tô cho những đối tượng nói ở điểm 3, điều 1 thì người mua phải nộp thuế và các lệ phí khác.

3. Những đối tượng nói ở điểm 3, điều 1, nếu được phép chuyển nhượng ô-tô cho nhau hoặc cho các đối tượng nói ở các điểm 1 và 2, điều 1 thì:

a) Nếu khi nhập đã nộp thuế thì được miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch nhưng phải nộp các lệ phí khác.

b) Nếu khi nhập chưa nộp thuế thì phải nộp thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch và các lệ phí khác.

4. Những đối tượng nói ở điều 1, sau khi đã chuyển nhượng ô-tô thì được phép tạm nhập ô-tô khác thay thế nhưng không được vượt quá số lượng quy định trong danh mục. Nếu là cá nhân, thì chỉ được nhập ô-tô khác thay thế khi thời gian công tác ở Việt Nam còn trên sáu (6) tháng.

5. Cơ quan đại diện nước ngoài hoặc cá nhân là người nước ngoài được phép sử dụng ô-tô chuyển nhượng tại Việt Nam thì phải tính ô-tô đó vào tiêu chuẩn định lượng ghi trong danh mục.

6. Những đối tượng nói ở điều 1 muốn chuyển nhượng ô-tô cho phía Việt Nam thì chỉ được phép chuyển nhượng cho Cục Phục vụ ngoại giao đoàn. Về nguyên tắc tính thuế và lệ phí trong trường hợp này:

a) Nếu ô-tô của các đối tượng nói ở các điểm 1 và 2, điều 1 thì được miễn thuế, nhưng phải nộp lệ phí khác.

b) Nếu ô-tô của các đối tượng nói ở điểm 3, điều 1 thì áp dụng quy định tại điểm 3 điều này.

Điều 8. —

1. Các cơ quan và mọi người nước ngoài cư trú tại Việt Nam không quy định trong Nghị định này khi nhập khẩu, xuất khẩu và chuyển nhượng ô-tô tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải nộp thuế hải quan và các lệ phí khác.

2. Những người của các nước láng giềng được phép nhập cảnh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng đường bộ (công tác, tham quan, du lịch) trong thời gian ngắn, nếu muốn mang theo ô-tô con

đề sử dụng đều phải được cơ quan Hải quan Việt Nam cho phép với điều kiện khi rời Việt Nam phải đem theo đúng xe đó ra khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Những người nước ngoài khác tạm trú (vãng lai, tham quan, du lịch...) tại Việt Nam không được mang theo ô-tô con vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 9. —

1. Tất cả các trường hợp nhập khẩu, tái xuất khẩu các vật dụng theo quy chế này đều phải thực hiện đầy đủ thủ tục hải quan của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong trường hợp có thỏa thuận riêng giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước hữu quan, thì việc nhập khẩu và tái xuất khẩu các vật dụng sẽ được áp dụng theo những quy định của các thỏa thuận đó.

3. Những ưu đãi về hải quan nói trong Nghị định này được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại.

Điều 10. — Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Nghị định này đều bị xử lý theo luật lệ hải quan và pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 11. — Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc thi hành Nghị định này.

Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

DANH MỤC

Quy định tiêu chuẩn và định lượng về ô-tô và các loại vật dụng cần thiết được phép nhập khẩu phục vụ cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của cơ quan đại diện nước ngoài và người nước ngoài tại Việt Nam.

(kèm theo Nghị định số 131-HĐBT ngày 27-8-1987 của Hội đồng Bộ trưởng).

Tên vật dụng	Số lượng cho các loại cơ quan				Số lượng cho các loại thành viên trong cơ quan			Ghi chú
	Các cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế		Các bộ phận chuyên trách thương vụ, quân sự, các phòng nghiệp vụ chuyên môn khác		Người đứng đầu các cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế	Người có thân phận ngoại giao	Nhân viên hành chính kỹ thuật và nhân viên phục vụ	
	Cơ quan nhỏ (dưới 10 người)	Cơ quan lớn (từ 10 người trở lên)	Cơ quan nhỏ (từ 5 người trở xuống)	Cơ quan lớn (từ 6 người trở lên)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Ô-tô con	2 chiếc	4 chiếc	1 chiếc	2 chiếc	2 chiếc	1 chiếc	1 chiếc	Đối với các loại ô-tô khác các cơ quan đại diện nước ngoài có nhu cầu nhập thì phải xin phép trước Tổng cục Hải quan (Loại từ 125 phân khối trở xuống) Đen trắng hoặc màu Từ 25 ^o trở lên (loại 0,75 lít) Loại 30 chai (0,5 lít) một két; loại 24 hộp (0,33 lít) 1 các tông 10. hào (loại 20 điều) một tút
2. Xe gắn máy	2 chiếc	3 chiếc	1 chiếc	2 chiếc	Không	Không	1 chiếc	
3. Video cát xet	1 chiếc	2 chiếc	1 chiếc	2 chiếc	1 chiếc	1 chiếc	1 chiếc	
4. Raidô cát xet	2 chiếc	4 chiếc	2 chiếc	4 chiếc	3 chiếc	2 chiếc	1 chiếc	
5. Tivi	2 chiếc	3 chiếc	1 chiếc	2 chiếc	2 chiếc	1 chiếc	1 chiếc	
6. Rượu mạnh	100 chai	300 chai	100 chai	200 chai	100 chai	60 chai	15 chai	
7. Bia	40 két bia chai hoặc 40 các tông bia hộp	60 két bia chai hoặc 60 các tông bia hộp	20 két bia chai hoặc 20 các tông bia hộp	40 két bia chai hoặc 40 các tông bia hộp	40 két bia chai hoặc 40 các tông bia hộp	30 két bia chai hoặc 30 các tông bia hộp	20 két bia chai hoặc 20 các tông bia hộp	
8. Thuốc lá	30 tút	60 tút	20 tút	30 tút	30 tút	15 tút	10 tút	